

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2022/HSST

Ngày: 22-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 183/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2022/QĐXXST-HS ngày 08/11/2022 đối với bị cáo:

T, sinh năm 1982 tại Thành phố Hà Nội; hộ khẩu thường trú: Thôn Dương Cốc, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Khoan, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thu Hường, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/5/2022 đến ngày 18/5/2022, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/5/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông P, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh T Bình – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà TPBank, số 57, phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chuyên viên – Phòng xử lý nợ Miền Nam- Trung P giám sát tín dụng và xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp – Ngân hàng Clà người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/6/2022) – vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Ph, sinh năm 1988; Có mặt.
- Ông P, sinh năm 1982; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn A(sau đây viết tắt là Công ty Sơn An Lập), địa chỉ: Số 24, đường DB3, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Công ty Sơn An Lập có thuê nhà xưởng tại khu phố 4, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Năm 2019, Công ty Cổ phần B, địa chỉ: Tầng 10, số 268, H, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng, do ông Lê Văn Hùng làm Giám đốc, làm thi công xây dựng hạ tầng tại công trình Trường Đại học M thuộc khu phố 4, H, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Quá trình làm việc, ông P là kỹ sư xây dựng giới thiệu Công ty Sơn An Lập thi công một phần phụ cho Công ty Cổ phần B. Vào ngày 01/02/2021, sau khi thi công xong dự án, Công ty Cổ phần B còn nợ tiền thi công của Công ty Sơn An Lập số tiền 306.241.000 đồng. T nhiều lần yêu cầu ông Hùng trả nợ nhưng không được. T có nhờ ông P tác động ông Hùng để trả nợ nhưng ông Hùng vẫn không trả nợ cho T.

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 11/5/2022, T đang ở nhà xưởng của công ty thì nảy sinh ý định đi đến huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước để tìm gặp P nhằm hỏi P về số tiền nợ, do T biết được P đang làm công trình ở đây. T nói nhân viên của công ty là P đi cùng T. Lúc này, em rể của T là Ph đến nhà xưởng của T chơi. Khi nghe Ph nói chuẩn bị đi Bình Phước giao hàng thì T rủ Ph đi cùng do tiện đường. T nói P và Ph đến nhà của T tại khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã C để T về lấy xe ô tô hiệu Subaru Forester màu trắng, biển số 61A-727.80 chở đi. Sau đó, Ph điều khiển xe ô tô biển số 61A- 727.80 chở T và P đi đến huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giao hàng, rồi tìm gặp P nhưng không gặp được. T gọi điện thoại hỏi P đang ở đâu thì P nói đang ở gần Trường Đại học M nên T hẹn P gặp nhau ở quán nước Hương Bắc (đối diện Đại học M) cạnh đường D9-N1 thuộc khu phố 4, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T, Ph và P về đến quán Hương Bắc, P và Ph ngồi uống nước phía trong quán, còn T ngồi một mình ở bàn ghế đá đặt ở phía trước quán. Khoảng 15 phút sau, P điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, biển số 70E1-069.01 đến quán Hương Bắc. P vào ngồi cùng bàn với T nói chuyện về việc Hùng nợ tiền T không trả. P lấy điện thoại của mình gọi cho Hùng và mở loa ngoài cho T nói chuyện với Hùng thì Hùng hẹn 02 tháng nữa sẽ trả nợ. Nghe

vậy, T tức giận chửi Hùng rồi tắt máy. Lúc này, T đứng dậy chửi P “*bọn bây đồ lừa đảo, nợ tiền tao hơn một năm mà không trả*” và dùng tay phải chụp lấy chìa khóa xe mô tô của P để trên bàn đá. P đứng dậy thì T dùng tay trái đẩy P ngồi xuống. P và Ph nghe lớn tiếng nên đi lại gần chỗ T. T đưa chìa khóa xe mô tô của P cho P và nói “*mày chạy xe về xưởng cho nó*”. Tiếp đến, T đi đến mở cửa sau xe ô tô biển số 61A- 727.80 (cách bàn ghế đá khoảng 03 mét) lấy một cây kim xếp bằng kim loại, mũi nhọn, dài 16cm, rồi quay lại chỗ P ngồi. T cầm cây kim bằng tay phải, còn tay trái nắm cổ áo của P. T vừa nói “*mày lên xe, tao bắt mày về xưởng của tao*” vừa kéo lPh P hướng về phía xe ô tô khoảng 02 mét. Lúc này, P thấy T đang tức giận và cầm kim trên tay nên P lo sợ nếu P truy hô hay bỏ chạy sẽ bị T cầm kim đâm P nên P bước lên ngồi vào hàng ghế sau xe của ô tô. Sau đó, Ph lên hàng ghế sau ngồi với P, T điều khiển xe ô tô, còn P chạy xe mô tô của P cùng chạy về nhà xưởng của Công ty Sơn An Lập. Khi về đến nhà xưởng, T và P ngồi nói chuyện với nhau. Tại đây, P tự do đi lại, P có thể tự đi về nhưng do P muốn ở lại nói chuyện với T giải quyết cho xong chuyện nợ tiền giữa T và Hùng, còn P và Ph đi làm việc bình thường. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an phường Hnhận được tin báo từ người dân về việc nhìn thấy T dùng hung khí uy hiếp bắt P đưa về nhà xưởng của công ty Sơn An Lập nên lực lượng Công an phường Hthông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đến nhà xưởng của công ty Sơn An Lập mời T làm việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe ô tô hiệu Subaru, biển số 61A- 727.80, màu trắng do Công ty Sơn An Lập đứng tên đăng ký chủ sở hữu;

- 01 xe mô tô hiệu Sirius, biển số 70E1-069.01, màu đỏ - đen do ông P đứng tên đăng ký chủ sở hữu;

- 01 cây kim xếp bằng kim loại, màu trắng, dài 16cm, có chữ LEATHERMAN;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7G, màu hồng của T;

Ngày 02/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C xử lý vật chứng giao trả:

- 01 Xe ô tô biển số 61A- 727.80 cho Ngân hàng C.

- 01 Xe mô tô biển số 70E1-069.01 cho ông P.

- 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 7G cho T.

Về trách nhiệm dân sự: Ông P không yêu cầu T bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Tại bản Cáo trạng số 180/CT-VKSBC ngày 18/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố bị cáo T về tội: “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội: “Bắt người trái pháp luật”

theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây kim xếp bằng kim loại, màu trắng, dài 16cm, có chữ Leatherman.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và thừa nhận hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã C, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 11/5/2022, tại quán nước Hương Bắc cạnh đường D9- N1 thuộc khu phố 4, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương, do mâu thuẫn nợ nần trong việc thi công công trình nên T đã có hành vi dùng cây kim xếp bằng kim loại, mũi nhọn, dài 16 cm để đe dọa nhằm buộc ông P lên xe ô tô biển số 61A- 727.80 để chở về nhà xưởng của Công ty Sơn An Lập đóng tại khu phố 4, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Dương để giải quyết tiền nợ.

Hành vi đe dọa dùng vũ lực buộc ông P lên xe ô tô để bị cáo chở về nhà xưởng Công ty Sơn An Lập để giải quyết tiền nợ nần của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, bản Cáo trạng số 180/CT-VKSBC ngày 18/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố bị cáo T về tội: “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo biết rõ việc đe dọa dùng vũ lực bắt người là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Bị cáo T có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 10/5/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 cho bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục.

[5] Xét thấy, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông P không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe ô tô biển số 61A-727.80 do Công ty Sơn An Lập đứng tên chủ sở hữu. Ngày 09/01/2020, Công ty Sơn An Lập ký Hợp đồng số 15/2020/HDTD/BDG/01 với Ngân hàng C để vay số tiền 910.000.000 đồng, tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay là xe ô tô biển số 61A-727.80. Tính đến ngày 11/7/2022, Công ty Sơn An Lập còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 601.276.648 đồng. Ngày 02/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã giao trả xe ô tô biển số 61A-727.80 cho ông Nguyễn Văn T, là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C để xử lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ. Xét thấy, tại phiên tòa, bị cáo T thống nhất đây là tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng số 15/2020/HDTD/BDG/01 ký kết ngày 09/01/2020 giữa Công ty Sơn An Lập (do T làm đại diện theo pháp luật) với Ngân hàng C. Bị cáo đồng ý giao xe này cho Ngân hàng C để xử lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ. Do đó, việc Công an thị xã C đã giao xe ô tô biển số 61A-727.80 cho Ngân hàng C xử lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ là phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số 70E1-069.01 do ông P đứng tên chủ sở hữu và điện thoại di động hiệu Iphone 7G của T: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C giao trả xe mô tô biển số 70E1-069.01 cho ông P và điện thoại di động hiệu Iphone 7G cho T là có cơ sở.

- Đối với 01 cây kim xếp bằng kim loại, màu trắng dài 16cm, có chữ Leatherman là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với P và Ph đi cùng với T vào ngày 11/5/2022, tuy nhiên việc T dùng cây kim uy hiếp và bắt ông P lên xe ô tô của T là hành vi bộc phát của T, không có sự bàn bạc, thỏa thuận trước với P và Ph. Đồng thời P và Ph không giúp sức cho T thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với P và Ph là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T phạm tội: “Bắt người trái pháp luật”.

2. Về trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 10/5/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018;

Xử phạt bị cáo T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (22/11/2022).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thị xã C, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định.

3. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 35 ngày 19/10/2022 đối với bị cáo T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/11/2022).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kìm xếp bằng kim loại, màu trắng, dài 16cm, có chữ LEATHERMAN.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/10/2022 giữa Công an thị xã C với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- CA thị xã C;
- Ủy ban nhân dân phường M;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị Thảo

